

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HẢI PHÒNG

Số 71, Đường Biên Phủ, Hồng Bàng, TP. Hải Phòng



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015

Tháng 4/ 2016

M C L C

THÔNG TIN CHUNG.....	2
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....	16
BÁO CÁO ÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC.....	24
ÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG CÁN BỘ CÔNG TY.....	34
QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	37
BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	42



THÔNG TIN CHUNG

- ❖ Thông tin khái quát
- ❖ Quá trình hình thành và phát triển
- ❖ Ngành nghề hoạt động kinh doanh
- ❖ Sản phẩm hoạt động kinh doanh
- ❖ Sơ đồ quản lý công ty
- ❖ Nhiệm vụ và phát triển
- ❖ Lợi ích



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên công ty	:	Công ty cổ phần dược phẩm Hải Phòng
Tên giao dịch	:	Hai Phong Pharmaceutical Joint Stock Company
Tên viết tắt	:	HAIPHARCO
Vốn đầu tư	:	30.000.000.000 VNĐ
Trụ sở chính	:	Số 71 Đường Biên Phủ, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
Điện thoại	:	031.3745632
Fax	:	031 3745053
Website	:	http://haipharco.com/
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (KKD)	:	Số 0200140269 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng cấp ngày 30/5/2005, ngày ký thay đổi lần thứ 5 ngày 8/7/2010



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

- ***Vị c thành l p***

Ngày 3/3/1961, UBND thành ph ra quy t nh s 196/TC-DC thành l p Qu c doanh D c ph m H i Phòng có kho ng 120 CBCNV ch c n ng nhi m v là bán l và phân ph i thu c theo k ho ch cho các c quan trên à bàn thành ph H i Phòng.

N m 1963, xí nghi p D c ph m Ki n An c thành l p v i ch c n ng nhi m v s n xu t l s thu c tân đ c và ông đ c nh m áp ng ph n nào nhu c u tiêu dùng c a nhân dân thành ph .

N m 1978, xí nghi p D c ph m c qu c doanh và i tên thành Công ty D c ph m H i Phòng.

N m 1980-1981 mô hình kinh t c p huy n các c a hàng c óng trên à bàn qu n- huy n - th xã c chuy n giao cho UBND qu n - huy n - th xã qu n lý.

N m 1984 theo quy t nh s 668/Q -VX ngày 23/6/1984 c a UBND thành ph H i Phòng thành l p xí nghi p Liên Hi p D c H i Phòng trên c s h p nh t Công ty D c ph m và Xí nghi p D c ph m H i Phòng.

N m 1993 theo quy t nh s 388 thành l p DNNN c a Chính ph , UBND thành ph H i Phòng ra quy t nh s 536/Q -TCCQ ngày 26/2/1993 thành l p Công ty D c H i Phòng (chính là Xí nghi p Liên h p đ c H i Phòng c i tên m i). M t tháng sau, theo quy t nh s 759/Q -TCCQ ngày 26/3/1993 c a UBND thành ph H i Phòng sát nh p 13 hi u thu c qu n -huy n -th xã vào công ty D c H i Phòng. S l ng CBCNV th i này lên n 600 ng i.

- ***Chuy n i s h u thành công ty c ph n***

Cu i n m 2005 UBND TP cho phép c ph n hóa b ph n chính c a Công ty D c H i Phòng: XN SXKD d c ph m. Ngày 01/12/2005 UBND TP H i Phòng ra Q s 2785/Q -UBND V/v chuy n XN SXKD d c ph m HP thu c Công ty D c H i Phòng thành Công ty c ph n D c ph m H i Phòng.



Công ty Cổ phần Điện Công Nghiệp chính thức đi vào hoạt động theo Luật DN từ 01/01/2006.

• Các sự kiện khác

Thời điểm	Sự kiện
01/01/2006	Công ty được thành lập với vốn điều lệ là 6.850.000.000
31/08/2007	Vốn điều lệ của Công ty tăng lên 9.990.000.000 thông qua phát hành 314.000 cổ phiếu cho công ty mới.
31/07/2008	Vốn điều lệ của Công ty tăng thêm 15.000.000.000 thông qua phát hành 501.000 cổ phiếu cho công ty mới.
23/12/2009	Vốn điều lệ của Công ty tăng lên 20 tỷ đồng thông qua phát hành 500.000 cổ phiếu cho công ty mới theo giấy chứng nhận chào bán số 479/UBCK – GCN ngày 23 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
23/08/2011	Vốn điều lệ của công ty tăng lên 30 tỷ đồng thông qua phát hành 1 triệu cổ phiếu cho công ty mới theo giấy chứng nhận chào bán số 88/GCNCB – UBCKNN ngày 23 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

NGÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- Sản xuất thu mua, hóa dầu và dầu khí;
- Bán buôn dầu khí cho gia đình;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và dụng cụ hình khác;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phụ kiện và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn nông;



- Bán lẻ hàng hóa khác mua trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn hóa chất thông thường;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ trong lĩnh vực y tế;
- Bán buôn thực phẩm;
- Kinh doanh bất động sản, quy hoạch đô thị thu chi sinh lợi, chi phí quản lý bất động sản;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ thực phẩm, đồ uống, mỹ phẩm và vật phẩm văn sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Trồng cây gia vị, cây dược liệu;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và phụ kiện da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ kiện ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán lẻ linh kiện trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ rượu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ sản phẩm thực phẩm, thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ gia dụng, đồ chơi, đồ dùng, đồ trang trí, đồ nội thất, đồ điện tử và đồ gia dụng, đồ gia đình khác chia sẻ phân vào châu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ;
- Bán lẻ thiết bị, đồ chơi đồ chơi, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh.

A BÀN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH



Tên đơn vị	Địa chỉ
Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần	Số 17 Lê Lợi, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
Hội đồng thành viên Nguyễn Văn	Số 1 Đường Nguyễn Văn, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
Hội đồng thành viên An Lão	Số 13 Đường Trần Văn, Quận An Lão, Thành phố Hồ Chí Minh.
Hội đồng thành viên Kiên Định	Số 19 Đường Xuân, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
Hội đồng thành viên Kiên An	230 Đường Thành Công, Quận Kiên An, Thành phố Hồ Chí Minh
Hội đồng thành viên Văn Bông	Số 211 Đường Thái, Quận Văn Bông, Thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Hà Nội	Số 1 Ngách 7/10, Ngõ 7 Thái Hà, Phường Liễu Giai, Quận Đống Đa, Hà Nội

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 71 Lê Lợi, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.



S QU N LÝ CÔNG TY

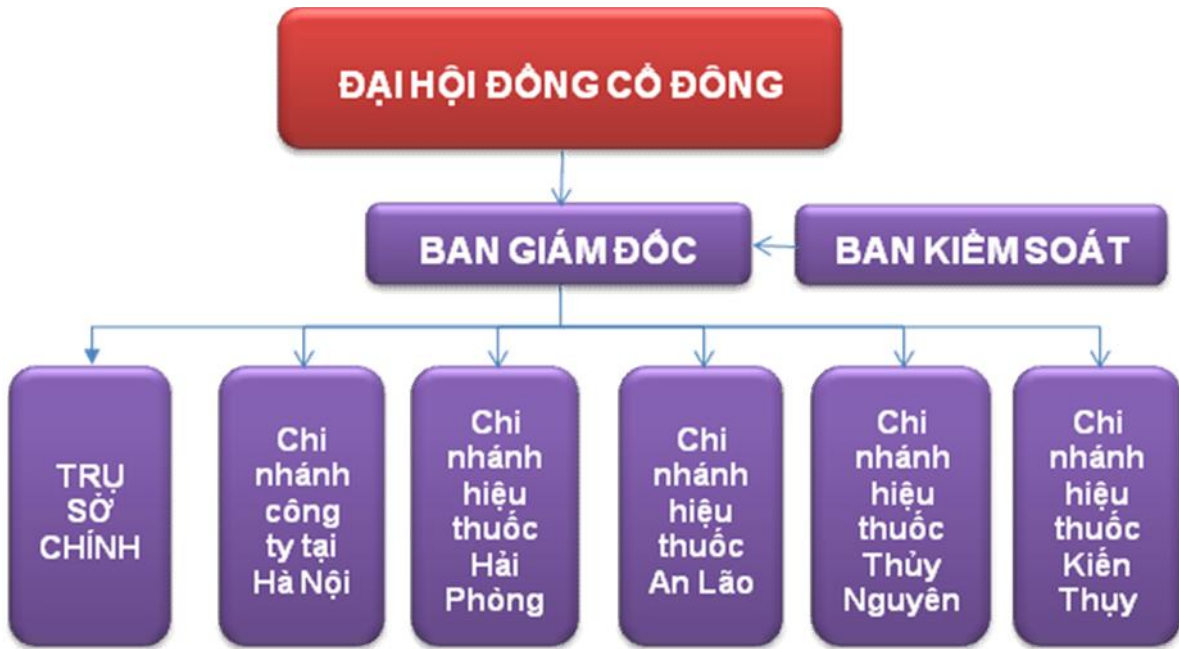


❖ Chức năng chính của các phòng ban

- **Phòng tổ chức – hành chính:** Tham mưu và công tác tổ chức cán bộ, hành chính quản trị, xây dựng cơ bản.
- **Phòng Kinh doanh:** Tham mưu và thực hiện các hợp đồng cung ứng cho khách hàng nội địa công nghiệp (Bệnh viện, Trung tâm y tế, ...), cung ứng thuốc gây mê, thuốc mê tâm thần.
- **Phòng Thương mại:** Bán buôn cho các cơ quan, đơn vị, chi nhánh Hải quân thuộc Công ty, thị trường và mở rộng mạng lưới kinh doanh ra các tỉnh, thành phố khác.
- **Phòng Bán hàng:** Thị trường và bán buôn các sản phẩm do Công ty sản xuất.
- **Phòng Kế toán – Thuế:** Thực hiện nhiệm vụ tài chính, kế toán của Công ty, hướng dẫn và kiểm tra nghiệp vụ cho bộ phận kế toán các đơn vị thuộc Công ty.
- **Phòng Đào tạo chính:** Tham mưu, tổ chức, kiểm tra công tác chuyên môn đào tạo, huấn luyện thi tay nghề cho công nhân viên.
- **Phòng Vật tư:** Cung ứng vật tư cho sản xuất CN.
- **Phòng KCS:** Kiểm tra chất lượng nguyên liệu đầu vào cho sản xuất, kiểm tra thành phẩm, hàng hóa sản xuất và kinh doanh của Công ty.
- **Phòng Kỹ thuật:** Tham mưu, kiểm tra công tác kỹ thuật, quy trình công nghệ, nghiên cứu ứng dụng, đăng ký sản phẩm mới, ra mắt các sản phẩm sản xuất.
- **Phòng Quản lý sản xuất:** Tham mưu và thực hiện kế hoạch sản xuất của Giám đốc.

❖ Cơ cấu bộ máy quản lý công ty





hiệu ứng:

hiệu ứng là quan quy định cao nhất của Công ty, HC có các quy định và nhiệm vụ sau:

- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm, Báo cáo của Ban Kiểm soát, Báo cáo của Hội đồng quản trị, Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
- Quy định mức chiết khấu thanh toán hàng năm cho mỗi loại khách phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quy định liên quan khác. Mức chiết khấu này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đồng ý sau khi đã tham khảo ý kiến các công ty liên quan;
- Quy định số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- Lựa chọn Công ty kiểm toán;
- Bổ nhiệm nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc điều hành, Giám đốc kiêm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- Quy định loại khách hàng và số lượng sản phẩm sẽ được phát hành cho mỗi loại khách hàng và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;



- Quy định chia, tách, sáp nhập, sáp nhập hoặc chuyển nhượng Công ty;
- Quy định thanh lý và giải thể (thanh lý) Công ty và chuyển nhượng thành lý
- Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các công nhân Công ty;
- Quy định lợi ích giao dịch bán tài sản Công ty hoặc Chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các Chi nhánh của Công ty ghi trên báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất;
- Quy định mua hoặc mua lại hơn 10% cổ phần phát hành;
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- Quy định Công ty hoặc Chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với nhà thầu để thực hiện quy định tại Điều 120.1 Luật Doanh nghiệp về giá trị bán hoặc mua hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các Chi nhánh của Công ty ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất;
- Các vấn đề khác theo quy định của Điều 1 Công ty và các quy chế khác của Công ty;

Hàng năm để thực hiện nhiệm vụ trong thời hạn 04 (bốn tháng), kể từ ngày kết thúc năm tài chính, do Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy thác.

Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty quy định và thực hiện các quy định và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Hội đồng. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 5 người do Hội đồng bầu. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm, thành viên Hội đồng quản trị có thể bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế.

Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm thực hiện công việc trong thực hiện các nhiệm vụ giao. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát có từ 03 hoặc 05 người do Hội đồng bầu ra. Trong Ban Kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán, thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là nhân viên của Công ty kiểm toán có liên quan thực hiện việc kiểm



toán các báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải bổ sung thành viên là công nhân viên của Công ty làm Trưởng ban.

Ban Giám đốc

Ban Giám đốc điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quy định và nhiệm vụ được giao. Công ty hiện nay có một Giám đốc và hai Phó Giám đốc. Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm.





NH HIỆNG VÀ PHÁT TRIỂN

1. Các mục tiêu chủ yếu của công ty

Mục tiêu quan trọng nhất trong năm 2015 là phải đạt được các chỉ tiêu kế hoạch 2015 mà HĐQT thống nhất năm 2015 thông qua. Để thực hiện mục tiêu này, Ban lãnh đạo công ty đã đưa ra các giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2015 và các nhiệm vụ trọng tâm, tập trung vào những nội dung sau: ào tạo, ào tạo lại và phát triển nguồn lực; ý mạnh công tác nghiên cứu thử nghiệm; triển khai công tác đầu tư phát triển và nghiên cứu khoa học công nghệ, phát triển sản phẩm mới.

2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

✓ Phát triển nguồn nhân lực

- Thu hút và đào tạo cán bộ lãnh đạo có trình độ chuyên môn cao, năng lực quản lý tốt, có tài chính và yêu nghề.
- Tuyển dụng, ào tạo và tái ào tạo đội ngũ công nhân lành nghề, năng nổ và thực hành tốt các tiêu chuẩn GMP-GLP-GSP và ISO 9000.



- Có chính sách lương, thưởng hợp lý góp phần thu hút và giữ nhân tài, kích thích sáng tạo ý tưởng mới trong môi trường hoạt động, gia tăng năng suất lao động, ý nghĩa hiệu quả kinh doanh, tiết kiệm chi phí v.v..., nhằm gia tăng thị phần và lợi nhuận.

✓ **Hoạt động Marketing, quản lý bán hàng hiệu quả**

- Tập trung duy trì công tác xây dựng và phát triển thị trường hiệu quả HAIPHACO thông qua các hoạt động tham gia hội chợ triển lãm, các phòng y tế quy mô lớn; các chương trình nhân đạo và công tác xã hội, thể thao, v.v...
- Tập trung phát triển đội ngũ trình độ chuyên môn và đào tạo nhóm nhân viên chuyên môn công nghệ trình độ nghiệp vụ liên quan đến khách hàng.
- Tập trung củng cố các phân khúc thị trường trọng điểm, tập trung phát triển hệ thống phân phối miền Bắc và miền Trung.
- Quan tâm nhiệm vụ trách nhiệm xã hội công ty và xã hội.

✓ **Hoạt động sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu**

- Tập trung phát triển các dòng thuốc kháng sinh, thuốc đặc trị và thuốc phòng bệnh.
- Phát triển văn minh và văn nguyên liệu nhằm bảo vệ nguồn cung cấp và chất lượng nguyên liệu đầu vào.
- Không ngừng cải thiện chất lượng nhằm thỏa mãn cao nhất cho khách hàng mục tiêu.
- Xuất khẩu nâng cao cơ sở vật chất kho tàng nhà xưởng và hệ thống nhà thuốc theo tiêu chuẩn GLP – GSP – GPP WHO.



R IRO

Hoạt động trong ngành Dệt dệt, Công ty cổ phần Dệt dệt Hài Phòng khó tránh khỏi những rủi ro nhất định sau:

1. R i ro v kinh t

Công nghiệp dệt các ngành công nghiệp sản xuất và dịch vụ khác, sự phát triển của ngành công nghiệp dệt có mối quan hệ chặt chẽ với sự phát triển chung của nền kinh tế. Trong những năm gần đây, nền kinh tế Việt Nam có sự tăng trưởng ổn định cùng với sự mở rộng và phát triển đa dạng các ngành nghề, chất lượng cuộc sống của người dân cũng ngày càng cải thiện và nâng cao đáng kể. Sự gia tăng trong nhu cầu mua sắm các thiết bị gia đình và các sản phẩm dệt may khác nhau thúc đẩy sự phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh cho ngành dệt. Tuy nhiên, nền kinh tế biến động theo chiều hướng không thuận lợi, tình hình hoạt động kinh doanh thu và lợi nhuận của các công ty trong ngành có thể biến động đáng kể. Do vậy, công ty cần phải xem xét sát các yếu tố này để hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

2. R i ro v lu t pháp

Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Dệt dệt Hài Phòng chịu sự chi phối của Luật Doanh nghiệp, Luật Dệt, Luật kế toán và các Luật khác. Bên cạnh Luật Dệt (có hiệu lực từ ngày 01/10/2005) đã có sự thay đổi pháp lý cao nhất cho các hoạt động sản xuất và kinh doanh của toàn ngành Dệt dệt nói chung, Luật kế toán mới (năm 2013) đã có hiệu lực và Luật doanh nghiệp 2015 mới được ban hành. Trong giai đoạn hoàn thiện khung pháp lý, các thay đổi của luật và văn bản luật có thể tạo ra rủi ro về luật pháp. Mặt khác, vì công ty gia nhập Hiệp định Thương mại Xuyên Thái Bình Dương (TPP) mới ra đời nên công ty phải thích ứng với các doanh nghiệp dệt Việt Nam nói chung và Dệt dệt nói riêng về hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Vì thế yêu cầu rất cao về công ty là phải chú trọng nghiên cứu, cập nhật kiến thức về quá trình hình thành các quy định môi trường pháp lý có thể ảnh hưởng rủi ro trong hoạt động kinh doanh.

3. R i ro v bi n ng giá nguyên v t li u



Là một doanh nghiệp sản xuất, sự biến động giá các nguyên vật liệu vào có ảnh hưởng lớn tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong thời gian gần đây, giá các nguyên liệu chính và tá d c ang có xu hướng tăng. Giảm thiểu sự nh h ng c a biến động giá các nguyên vật liệu nhập khẩu kinh doanh, Công ty đã tận dụng lợi thế của các nhà cung cấp giá và chất lượng tốt để giảm thiểu chi phí thu mua các nguyên liệu duy trì sự ổn định lâu dài và chi phí đầu vào cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

4. Rủi ro cạnh tranh Dệt phẩm

Với hàng gi, hàng nhái là một trong những thách thức đáng lo ngại nhất hiện nay đối với các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dệt phẩm. Mặc dù Luật Sở hữu trí tuệ đã góp phần bảo vệ các doanh nghiệp dệt phẩm trước sự xâm nhập của hàng gi, hàng nhái nhưng môi trường cạnh tranh của ngành dệt phẩm vẫn không giảm bớt đi. Nguyên nhân của rủi ro này. Dệt phẩm là một loại hàng hoá đặc biệt, có nhu cầu thị trường rộng rãi và sự an toàn của con người. Hơn nữa, chi phí đầu tư, thời gian và công sức dành cho công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm dệt phẩm để xâm nhập thị trường của ngành dệt phẩm vẫn so với bất kỳ ngành công nghiệp nào khác, trong khi đó lợi nhuận của các doanh nghiệp dệt phẩm vẫn rất thấp. Bên cạnh đó, các thực thể cạnh tranh cho dệt phẩm, thực tiễn chuyên khoa luôn phải đối mặt với những rủi ro không tiêu chuẩn. Hàng hoá trong lĩnh vực dệt phẩm có tính đa dạng cao. Vì không tiêu chuẩn sản phẩm khi hết thời hạn sử dụng mang lại rủi ro thua lỗ cho doanh nghiệp. Trước những rủi ro mang tính cạnh tranh, Công ty phải có những biện pháp phù hợp để cạnh tranh khi xây dựng kế hoạch tiêu thụ và luân chuyển sản phẩm một cách hợp lý hơn cho ngành dệt phẩm này.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- ❖ **Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**
- ❖ **Tổ chức và nhân sự**



- ❖ Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- ❖ Tình hình tài chính
- ❖ Các cuộc công, thay đổi và những cách xử lý



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT TRONG NĂM

Công ty CP Dược phẩm Hải Phòng chính thức hoạt động từ năm 2006. Đến nay đã có 9 năm, tách ra thành phần mới thành lập của Công ty Dược phẩm Hải Phòng với khoản đầu tư gần 3 triệu USD, cơ sở vật chất hiện tại là khu sản xuất quy mô lớn, hiện đại, hoạt động kinh doanh. Hiện nay, Công ty CP Dược phẩm Hải Phòng đã đầu tư xong một Nhà máy tiêu chuẩn GMP-WHO với 3 dây chuyền sản xuất của Bộ Y tế cấp Giấy chứng nhận tiêu chuẩn sản xuất thuốc là dây chuyền thuốc nhóm t, nhóm i, dây chuyền viên nén non-βlactam và dây chuyền sản xuất nang mềm, cùng với các hạng mục tiêu chuẩn như: phòng Kiểm tra chất lượng tiêu chuẩn GLP, phòng kho gần 1.000m² tiêu chuẩn GSP và đang xây dựng Phân xưởng ô nhiễm độ gần 2000m² tiêu chuẩn GMP vào cuối năm 2015 (ứng theo quy định của Bộ Y tế). Các cơ sở vật chất kinh doanh của Công ty và các Chi nhánh đã được nâng cấp hiện đại theo các tiêu chuẩn GSP hiện nay đã được cấp Giấy chứng nhận tiêu chuẩn phân phối thuốc GDP, 270 quy định bán lẻ tiêu chuẩn thực hành tốt quy định thu nhập GDP và hiện nay Công ty tiếp tục đầu tư chuyển đổi sang nhà thuốc GDP.

Năm 2015 là năm rất khó khăn đối với DN SXKD nói chung: Lãi suất Ngân hàng, chi phí đầu vào tăng cao, cạnh tranh gay gắt, nhu cầu doanh nghiệp có lợi nhuận hàng hóa tăng cao. Thuyết minh DN làm nên kém hiệu quả, suy thoái, phá sản. Nhu cầu DN giảm không lớn và việc làm cho người lao động ngày càng trở nên khó khăn.

Đối với Công ty CP Dược phẩm Hải Phòng cũng gặp phải nhiều khó khăn kể trên và nhu cầu vốn không thu nhập khác. Thuyết minh Công ty năm nay cũng gặp SXKD có việc làm cho người lao động với thu nhập bình quân, làm tròn trách nhiệm với Nhà nước và cộng đồng và người lao động cùng các khoản nộp Ngân sách nhà nước. Sau đây là kết quả hoạt động SXKD năm 2015 thể hiện qua một số chỉ tiêu kinh tế xã hội:

Stt	Chỉ tiêu	VT	T.hiện năm 2015	% so với năm 2014
1	Giá trị sản xuất	Tr. giá		
2	Tổng doanh thu	-	267.645	93 %
	<i>Trong đó:</i> -Doanh thu SX	-	68.652	93 %
	-Khí KDN	-	50.793	84%
	-Khí HT	-	103.400	98%



	-CN Hà Nội	-	44.800	93%
3	Nợ Ngân sách	-	6.063	82%
4	Lợi nhuận sau thuế và chi phí		6.369	50%
5	Thu nhập BHXH, BHYT, BHTN	Tr. ng	5.974	103%
6	Thu nhập bình quân	Ng. ng	4.5	129 %
7	Thu mua sắm trang thiết bị	Tr. ng	2.401	57%
8	Trợ cấp	% n m	10%	100%

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách ban điều hành

Họ tên	Chức vụ	Số vốn đóng góp	Tỷ lệ vốn đóng góp
Trần Văn Huyền	Chủ tịch HĐQT	1.387.587	46,25 %
Trần Thị Oanh	Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị	60.000	2%
Bùi Quang Hùng	Ủy viên HĐQT	58.950	1,97%
Nguyễn Văn Việt	Ủy viên HĐQT	80.729	2,7%
Nguyễn Thị Phương Hoa	Ủy viên HĐQT	53.471	1.78%

(Nguồn: Báo cáo quản trị năm 2015)

Số lượng cán bộ nhân viên và chính sách về nghỉ hưu

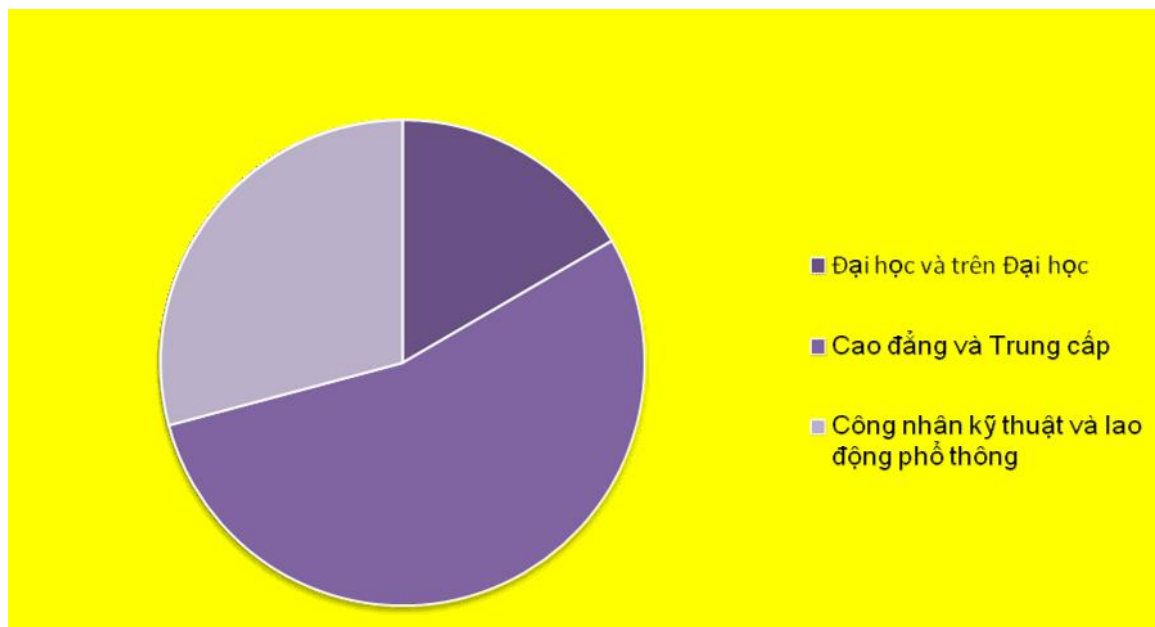
Tổng số cán bộ công nhân viên trong Công ty tính đến ngày 31/12/2015 là 482 người, Trong đó, có các người theo trình độ nghỉ hưu như sau:

Các người nghỉ hưu

STT	Trình độ nghỉ hưu	Số người	Tỷ lệ (%)
1.	Trình độ cao và trên cao	83	17%



2.	Trình Cao đẳng và Trung cấp	262	54%
3.	Công nhân kỹ thuật và Lao động phổ thông	137	29%



(Nguồn: Công ty cổ phần Dịch vụ Môi trường Hòa Bình)

Chính sách về việc làm

Công ty vận dụng thang bảng lương của doanh nghiệp Nhà nước nên các chính sách về tiền lương, tiền thưởng vận dụng theo các quy định của Nhà nước, Công ty có vận dụng mức thu hút từ 1-2 triệu/tháng đối với các lao động có trình độ kỹ thuật chuyên ngành cần cho sản xuất kinh doanh và Công ty đang có nhu cầu như Dịch vụ môi trường, nhân Hóa, nhân kinh tế chính quy. Ngoài ra, đối với lao động xa, Công ty có hỗ trợ tiền xe, nhà...



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Các khoản đầu tư

Năm 2015, công ty vẫn sản xuất và hoàn thiện Dự án xây dựng Nhà máy xử lý GMP -WHO trên địa bàn quận Kiên An.

Cũng trong năm 2015 nhà xưởng SX thu hoạch dứa, thu hoạch ngoài, diện tích 1800m² đã xây dựng xong và đang tiến hành lắp đặt dây chuyền máy móc thi công. Tổng số tiền đầu tư cho xây dựng Nhà máy đến 31/12/2015 là: 37.273.026.952 đồng trong đó xây dựng cơ bản là 11.096.997.434 đồng, máy móc thi công là 26.176.029.518 đồng.

Trong quá trình xây dựng, vì công suất, thi công, giám sát, thanh quyết toán hàng năm công trình tuân thủ các quy định của Nhà nước.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	198.954.526.324	180.514.237.583	-9%
Doanh thu thuần	271.773.829.111	267.645.422.000	-2%
Lợi nhuận hoạt động kinh doanh	19.857.203.889	12.112.969.827	-39%
Lợi nhuận khác	472.969.628		100%
Lợi nhuận trước thuế	20.330.173.517	12.112.969.827	40%
Lợi nhuận sau thuế	15.857.535.344	9.386.845.304	41%
Lãi ròng trên chi phí	5.286	3.129	41%

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2015)



Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2014	Năm 2015
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn (=TSLD/Nợ NH)	lần	1,72	1,72
	Hệ số thanh toán nhanh =(TSLD-Hàng tồn kho)/Nợ NH	lần	1,44	1,44
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số nợ/tổng tài sản	lần	0,54	0,54
	Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	lần	1,19	1,19
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho (Giá VHB/hàng tồn kho bq)	lần	8,64	8,64
	Doanh thu thu nhập/Tổng tài sản	lần	1,37	1,37
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi			
	Hệ số lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	5,83	5,83%
	Hệ số lợi nhuận sau thuế / Vốn CSH	%	17,47%	17,47%
	Hệ số lợi nhuận sau thuế / Tổng TS	%	7,97%	7,97%
	Hệ số lợi nhuận hoạt động KD/ Doanh thu thuần	%	7,31%	7,31%

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2015)

Qua các chỉ số trên ta thấy hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh (sau khi loại trừ yếu tố hàng tồn kho) của công ty luôn luôn lớn cho thấy khả năng thanh toán của công ty khá tốt. Chỉ tiêu cơ cấu vốn của công ty không quá cao cho thấy Công ty chủ yếu dựa vào nguồn vốn tự có để duy trì hoạt động kinh doanh.

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lợi của Công ty tăng dần và có chiều hướng tăng trong năm 2015 cho thấy Công ty có chính sách sử dụng nguồn vốn tốt, tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

THÔNG TIN CÔNG TY



Cổ phần

	31/12/2015	31/12/2014
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	3,000,000	3,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3,000,000	3,000,000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3,000,000	3,000,000

Cấu trúc công

Công	Số lượng công	Số lượng phần	Số vốn góp	Tỷ lệ/Vốn góp
Tổng cộng	1	350.000	3.500.000.000	11,67%
Cá nhân	366	2.650.000	26.500.000.000	88,33%
> Cá nhân trong công ty	347	2.308.263	23.082.630.000	76,94%
- Cá nhân ngoài công ty	19	341.737	3.417.370.000	11,39%
Tổng cộng	367	3.000.000	30.000.000.000	100%

(Nguồn: Công ty cổ phần Dịch vụ Môi trường Hòa Bình)

Tình hình thay đổi vốn và cách sử dụng: Không có.

Giao dịch cổ phiếu mua: Không có



BÁO CÁO ÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- ❖ **Ánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**
- ❖ **Tình hình tài chính**
- ❖ **Những cố gắng và các ưu điểm, chính sách, quản lý**
- ❖ **Khoạch phát triển trong tương lai**



ÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Khoạch năm 2015	Thực hiện năm 2015	Tỉ lệ so với KH (%)
1	Giá trị sản lượng		55.000.000.000	74.256.000.000,	135%
2	Tổng doanh thu		360.000.000.000	267.645.422.000	74%
3	Lợi nhuận sau thuế và chi phí		12.000.000.000	6.369.000.000	53%
4	Tỷ suất lãi/vốn đầu tư	%	40%	21%	50%
5	Chi phí TSC		3.000.000.000	2.984.000.000	99%
6	Nộp ngân sách		7.300.000.000	6.063.000.000	83%
7	Thu nhập bình quân		3.500.000	4.500.000,	129%
8	Chi phí chia/VL	%	12%	10%	83%

Qua các số liệu các chỉ tiêu kinh tế cơ bản năm 2015 cho thấy trong năm qua các chỉ tiêu về giá trị sản lượng, lợi nhuận sau thuế, tỷ suất lãi trên vốn đầu tư và nộp ngân sách Nhà nước vượt mức chỉ tiêu đề ra. Công ty cũng hoàn thành kế hoạch tăng thu nhập bình quân cho cán bộ công nhân viên lên mức 4.500.000 VNĐ/tháng. Có một kết quả là do tác động của sản xuất kinh doanh của Công ty nói chung, công nhân viên hoàn thành kế hoạch đề ra. Cụ thể như sau:

Khả năng kinh doanh:

1. Năm 2015, Công ty cùng các chi nhánh đã đầu tư, nâng cấp một số tiêu chuẩn GPS và mở rộng thị trường kinh doanh mới ở các tỉnh do Bộ Y tế và Chi cục An Sinh Xã hội. Hiện nay hoạt động các cơ sở kinh doanh của Công ty như: khu 71 ở Biên Hòa, Trung tâm bán buôn 14 Ký con, Hội trường Hội Phòng, Hội trường Thôn Nguyễn, Hội trường An Lão, Hội trường Văn Bông, Hội trường Kiên An, Hội trường Kiên Định và Chi nhánh Công ty tại Hà Nội, ... đều đạt tiêu chuẩn thực hành tốt phân phối thu nhập GDP và 270 quy y bán lẻ tiêu chuẩn thực hành tốt nhà thu nhập GPP. Đây là một tín hiệu rất tích cực của Công ty.



2. Trung tâm bán buôn 14 Ký con:

Có thể nói Trung tâm bán buôn hoạt động chủ yếu áp dụng các biện pháp cạnh tranh trên thị trường về các hình thức bán buôn của các Chi nhánh công ty liên trong toàn quốc như: Công ty CP Dược Hà Giang, TWII, XN Dược phẩm TWI, Công ty CP Dược Cửu Long, Trapharco,... và rất nhiều các Công ty tư nhân, công ty khác trên địa bàn Hà Phòng. Nhiệm vụ Công ty trực tiếp phân phối qua Trung tâm này tách quy ra thành phần phân phối cho các công ty bán lẻ làm giảm đáng kể doanh thu của Trung tâm.

Trung tâm bán buôn cũng luôn tìm kiếm các cách thức hoạt động, cách thức phân phối, tìm kiếm thêm các tác nhân,... thích ứng với sự cạnh tranh, đặc biệt trong lĩnh vực của Công ty đó là các khía cạnh kinh doanh khác nhau: khách bán lẻ, khách sản xuất, khách cung ứng cho các bệnh viện, Chi nhánh Hà Nội cùng phối hợp phát triển. Do sự cạnh tranh quá lớn, xu hướng của các Công ty cạnh tranh khâu trung gian thành phần nên mức độ ảnh hưởng rất lớn song doanh số của Trung tâm chỉ đạt 50% so với kế hoạch và cùng kiếm tiền ngoài. Điều đó cho thấy sự khó khăn trong cạnh tranh bán buôn thị trường Hà Phòng.

3. Bộ phận bán hàng sản xuất Công ty: Hàng sản xuất của Công ty còn ngắn hạn, chủ yếu là các mặt hàng truyền thống, số lượng mặt hàng còn ít do Công ty mới xây dựng xong nhà máy đạt tiêu chuẩn GMP-WHO, còn nhiệm vụ mặt hàng đăng ký mới chưa thể thực hiện xong các thủ tục. Tuy nhiên số lượng sản xuất của Công ty cho thị trường là rất lớn và hàng sản xuất này hầu như bán hết nên số lượng tồn kho là không đáng kể. Điều đó khiến ngành sản phẩm của Công ty đã có chỗ đứng vững chắc trên thị trường. Bộ phận bán hàng sản xuất đã triển khai 2 mảng thị trường: Trong thành phố và ngoài thành phố.

Trong thành phố:

- Hoạt động hàng của Công ty sản xuất vào các Hội chợ và trực tiếp quy mô bán lẻ.
- Kết hợp với phòng Kinh doanh hoạt động hàng của Công ty sản xuất vào hệ thống đại lý tại Hà Phòng.
- Bán buôn cho các Công ty trong thành phố.

Ngoài thành phố:

Trực tiếp các công ty đại lý bán buôn, Chi nhánh tại Hà Nội và các tỉnh khác miền Bắc như:

STT	Thị trường	DT năm 2015 (tr)
1	Thành phố Hà Nội	44.800
2	Thành phố Hà Phòng	10.630



3	Tỉnh Thái Bình	1.743
4	Tỉnh Nam Định	151
5	Tỉnh Ninh Bình	1.516
6	Tỉnh Thanh Hoá	3.297
7	Tỉnh Nghệ An	808
8	Tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh	1.216
9	Tỉnh Quảng Bình, Hà Tĩnh	1.118
10	Thành phố HCM	2.997
11	Tỉnh Nam Hà	200
12	Tỉnh Hải Dương	155
13	Thành phố Lạng Sơn	21
	Tổng cộng	74.000 t

miền Nam có 100% phân phối hàng sản xuất tại TP. HCM. Nhờ vậy hàng sản xuất của Công ty đã lưu thông trên toàn quốc.

Năm 2015 bộ phận bán hàng sản xuất đã gặp thị trường và bán được 74 triệu đồng và 15 triệu đồng so với năm 2014, với doanh thu này Công ty đã tạo công việc làm cho gần 200 CBCNV khi SXCN.

4. Chi nhánh Công ty tại Hà Nội: Ngày càng mở rộng và bản kinh doanh là nội chi phí bán hàng sản xuất của Công ty. Năm 2015 doanh số Chi nhánh đạt 48.233 triệu đồng hàng do Công ty sản xuất và 17 triệu đồng so với năm 2014, đã mở rộng quy mô, chi phí hoạt động của Chi nhánh và có hiệu quả, công tác thu hồi công nợ đúng quy định của Công ty.

5. Trong nhiệm vụ qua doanh số cung ứng cho các cơ sở tư nhân luôn chi mọt trọng tâm cao trong doanh thu của năm và là mảng mang lại hiệu quả kinh tế bền vững của Công ty và công tác tổ chức cho bộ phận này càng trở nên. Nay công tác thu mua cung ứng cho các cơ sở tư nhân ngày càng khó khăn, sẽ không còn mang lại hiệu quả kinh tế cao như trước đây và Công ty cần phải thay đổi dần mô hình tổ chức của bộ phận này cho phù hợp thị trường. Năm 2014 Công ty cũng đã gặp gỡ các nhà tranh chấp liên quan tham dự thu mua cung ứng cho các cơ sở tư nhân và giành được thị phần tuy không bằng năm 2014 nhưng cũng chi phí cho bộ máy gián tiếp và đóng góp vào hiệu quả của Công ty.

Có thể thấy phần cung ứng cho các doanh nghiệp vẫn khó khăn trong công tác thu hồi công nợ của các doanh nghiệp càng trở nên khó. Tình hình của các doanh nghiệp luôn mở rộng cao, trung bình



50 tỷ đồng. Có bất ổn về nhân sự trong 6 - 7 tháng... nên gây khó khăn và hiệu quả của Công ty. Tuy nhiên Công ty vẫn cung cấp đầy đủ các dịch vụ cho công tác thi công các công trình và các bất ổn về nhân sự.

6. Trong năm 2015 Công ty cùng với các đơn vị trong ngành xây dựng đã tích cực tham gia các dự án của UBND TP, Sở Y tế Hải Phòng đã làm tốt công tác chi phí dự chi khi có dự chi xảy ra. Mặc dù đang khó khăn về vốn cho hoạt động SXKD, song Công ty luôn giành mặt trận về chi phí cho công tác đầu tư các cơ sở thu nước và hóa chất chi phí dự chi cho thành phố. Trong những năm qua và năm 2015 Công ty đã cung cấp đầy đủ các dịch vụ thu nước và hóa chất cho các quận, huyện trên địa bàn khai thác dự chi.

Khả năng thu nước:

Như trên đã nói, năm 2015 là năm rất khó khăn về các cơ sở kinh doanh và khả năng thu nước của Công ty cũng không nằm ngoài khó khăn chung, các bất ổn tranh chấp về các hình thức bán lẻ của thị trường ngày càng nhiều. Tuy nhiên với sự nỗ lực của CBNV doanh thu khả năng thu nước năm 2015 giảm 5% so với năm 2014, cụ thể như sau:

STT	Doanh thu	Năm 2015 (tr)	Tỉ lệ so với năm 2014 (%)
1	HT Hải Phòng	66.608	107%
2	HT An Lão	9.227	73%
3	HT Thu Nguyên	14.734	95%
4	HT Kiến Đức	6.885	108%
5	HT Kiến An	4.937	98%
6	HT Vĩnh Bảo	1.033	67%
Tổng cộng		103.400 t	

Trong năm 2015 hỗ trợ các quy trình thu nước trên địa bàn các quận huyện cũ, nâng cấp tiêu chuẩn GPP, nhân sự hiện nay của Sở Y tế cấp Giấy chứng nhận tiêu chuẩn Quy trình thu nước cho 270 quy trình, hiện nay các Hiệu thu nước đang tích cực triển khai thẩm định các quy trình còn lại trên địa bàn của mình.

Các Hiệu thu nước tiếp tục khai thác nguồn hàng từ Công ty như hiện, lý như hàng do Công ty sản xuất và đã hoàn thành đầy đủ các chỉ tiêu kinh tế cơ bản như: Nộp thuế, BHXH, BHYT, Bảo hiểm thất nghiệp, thu nhập nhân viên và tăng so với năm 2014.



Công tác chuyên môn của các quy bán lẻ và của Hi u thu c luôn c Công ty quan tâm. Các MDV th ng xuyên c t p hu n các l p do S Y t và Công ty t ch c, i sâu vào các tiêu chu n GPs.

S n xu t công nghi p

- Th c hi n yêu c u c a B Y t và ch o c a S Y t HP. Trong nh ng n m qua Công ty ã u t r t nhi u các c s SXKD c a Công ty t các tiêu chu n GPs.
- Công ty ã u t c s s n xu t công nghi p nhi u t ng n nay ã t c 3 dây truy n: S n xu t thu c nh m t nh m i, s n xu t viên nén non-olactam t tiêu chu n GMP-WHO, bên c nh ó là phòng Ki m tra ch t l ng thu c t tiêu chu n GLP, h th ng kho b o qu n t tiêu chu n GSP.
- Hi n nay Công ty ang tri n khai u t (ã xây xong ph n nhà x ng và ang l p t máy móc) dây truy n s n xu t ông d c, thu c dùng ngoài, ng u ng di n tích m t b ng t 1.800m². D ki n cu i n m 2015 hoàn thành trình b Y T Th m nh i vào ho t ng.
- Do Nhà máy c a Công ty hoàn thi n GMP i vào ho t ng ch m so v i các Công ty các t nh (do c ph n hóa, c s s n xu t Ki n An n m trong quy ho ch) nên ch u áp l c r t l n c a c nh tranh và l a ch n dòng s n ph m. Hi n nay Công ty v n ang tri n khai s n xu t kho ng 40 m t hàng c và có kho ng 05 s n ph m m i ang xin ng ký B Y t , Công ty ang b sung tài li u c c p s ng ký.
- Công ty c ng ã nghiê n c u thay i m u mã, ch t l ng cho s n ph m truy n th ng và c ng ã c th tr ng ch p nh n và tin dùng.
- Nhìn chung trong nh ng n m qua doanh thu s n xu t c a Công ty kho ng trên 70 t do Công ty tr c ti p phân ph i (không k doanh thu gia công) nên t o công n vi c làm cho g n 200 công nhân tr c ti p s n xu t và kh u hao theo k ho ch cho Nhà máy. Nhà máy c ng ã vi t xong h s trình B Y T th m nh l i dây truy n thu c viên, thu c nh m t , nh m i t tiêu chu n GMP - WHO .
- S n l ng l n ch l c a Công ty hi n nay là các thu c nh m t, nh m i v i s n l ng r t l n so v i nhi u nhà máy khác là g n 120.000 l / ngày.
- V u t con ng i: Công ty ã tr l ng cao cho các cán b ch ch t và các lao ng có trình nh m thu hút lao ng có k thu t.
- T ng b c ào t o i ng công nhân k thu t, h c t p quy trình công ngh m i, t p hu n các SOP, nâng cao tác phong công nghi p cho công nhân s n xu t.



- Nghiên cứu thay đổi giá trị sản phẩm truyền thống của Công ty như: mua mã, bao bì, chất lượng thu hoạch, giảm giá thành sản phẩm nhằm cạnh tranh các sản phẩm Công ty trên thị trường.

Các công tác khác

✓ Về công tác chính sách xã hội: Thu nhập BHXH, BHYT, BHYT thắt nghi p k p th i, không ngừng, năm 2015 thu nhập 5.801 triệu đồng tăng 106% so với năm 2014, giảm quy tắc thực hiện chính sách cho người lao động: nghỉ hưu 5 triệu đồng, chi phí đi lại 08 triệu đồng, chuyên công tác 01 triệu đồng thanh toán chi phí, thai sản thực hiện đúng chính sách.

✓ Công ty đã tặng viên CBCNV tích cực ngành các quý thi đua do các cấp ngành phát động gần 100 triệu đồng, tặng quà cho các cháu con CNVC-L và học sinh giỏi năm học 2013-2014 gần 50 triệu đồng, tặng quà cho thương binh, con liệt sĩ nhân ngày Lễ, Tết, tặng quà CNVC và trợ cấp khó khăn tặng quà cho CBCNV bệnh viện gần 28,5 triệu đồng.

✓ Năm 2014 ngành Công ty được công nhận Trong sơ cấp ngành, Công đoàn Công ty được Liên đoàn lao động thành phố tặng Bằng khen của Ủy ban Nhân dân thành phố.

✓ Về các chỉ tiêu kinh tế cơ bản tăng cùng với làm tốt công tác đoàn thể, xã hội, mặc dù tăng doanh thu chỉ bằng 80% năm 2013, song so với mức tăng xã hội có nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn thì có thể nói năm 2014 là một năm thành công của Công ty và Công ty cũng đã làm tốt nhiệm vụ chính trị mà UBND, Sở Y tế HP giao cho Công ty, góp phần vào hoàn thành nhiệm vụ chính trị xã hội cho nhân dân thành phố trong năm 2014 của Sở Y tế. Có các kết quả trên, đó là nhờ sự lãnh đạo và toàn thể CBCNV Công ty và sự giúp đỡ của các ban ngành, của Sở Y tế HP và các nhân viên khám chữa bệnh trong thành phố. Ủy ban dân sự xã hội và giúp đỡ ngành các ngành chỉ thị liệt hoan nghênh.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Tình hình tài sản tại 31/12/2015

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản hữu hình	52.938.714.079	39.905.253.405	13.033.460.674
Nhà cửa, vật tư kiến trúc	16.749.807.038	6.851.166.728	9.898.640.310
Máy móc thiết bị	31.887.668.890	28.776.447.672	3.111.221.218
Phong tiển và tài sản khác	3,306,395,880	3,306,395,880	
Thi công xây dựng	994.842.271	971.243.125	23.599.146
Tài sản vô hình	54.600.000	54.600.000	0
Tổng cộng	52.938.714.079	39.905.253.405	13.033.460.674

Tình hình doanh thu

Tình hình công nợ phải thu tính đến 31/12/2015

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	% tăng, giảm
Phải thu từ khách hàng	49.379.367.691	30.734.029.659	
Trợ cấp cho người bán	646.500.000	150.000.000	
Phải thu nội bộ	-	-	
Phải thu khác	2.655.198.319	3.563.958.246	



D phòng ph i thu khó òi	-	-
Ph i thu ng n h n	52.681.066.010	34.359.502.452
Ph i thu dài h n	2.556.147	2.556.147
T ng	105.364.688.166	68.810.046.504

Tình hình công n ph i tr tính n 31/12/2015

Ch tiêu	31/12/2014	31/12/2015	% t ng, gi m
Ph i tr ng i bán	80,525,629,833	55.796.081.842	
Ng i mua tr ti n tr c	158,536,384	47.499	
Thu và các kho n ph i tr Nhà n c	4,192,060,651	2.587.496.896	
Ph i tr ng i lao ng	3,401,407,371	2.961.606.772	
Chi phí ph i tr	142,258,954	2.930.958.071	
Các kho n ph i tr khác	1,915,583,612	4.958.558.573	
Qu khen th ng phúc l i	3,454,428,322	4.280.658.109	



NH NG C I TI NV C C UT CH C, CHÍNH SÁCH, QU N LÝ

Ban Giám đốc điều hành công ty kinh doanh hàng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quy định và nhiệm vụ được giao. Công ty hiện nay có một Giám đốc và hai Phó Giám đốc. Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm.

K HO CH PHÁT TRI N TRONG T NG LAI

- Tổng doanh thu: 360 tỷ đồng
 - Trong đó:
 - Kinh doanh nội địa: 270 tỷ đồng
 - Sản xuất công nghiệp: 90 tỷ đồng
- Các khoản nộp ngân sách: 7 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2015
- Thu nhập bình quân: 4.500.000 đồng/người/tháng.
- Trích tích 10%/năm
- Thu nộp BHXH, BHYT, BH thất nghiệp đầy đủ, kịp thời.



ÁNH GIÁ CẢNH QUAN TRƯỜNG HỢP CÔNG TY



Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Cổ phần Hội Phòng thực sự là các quan lãnh đạo đã đưa ra chiến lược và kế hoạch phát triển của Công ty, đưa ra các mục tiêu trong



hoạt động SXKD. HĐQT đã làm đúng pháp luật (Luật Doanh nghiệp), vì lợi ích của Công ty CP.

Các thành viên HĐQT đã hoàn thành tốt nhiệm vụ giao phó không nhả vào số tiền, phát triển của Công ty sau hơn 9 năm cổ phần hoá. Các thành viên HĐQT đều là những cán bộ kiêm nhiệm các chức vụ lãnh đạo chính của Công ty: Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng nghiệp vụ:

1. DS Trần Văn Huyền - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty giữ vững số tiền, phát triển SXKD, nộp ngân sách tăng hơn 110% so với năm 2013, thu nhập bình quân của người lao động tăng cao và ổn định.

2. Ông Nguyễn Văn Văn - Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Trung tâm bán buôn phụ trách kinh doanh, bán buôn cho các cơ quan, đơn vị, các Hộ thu thuế Công ty, đơn vị các mua hàng và bán hàng sản xuất của Công ty, chú trọng chất lượng hàng hóa, mở rộng thị trường trong và ngoài thành phố.

3. Bà Trần Thị Oanh - Phó chủ tịch kiêm Kế toán trưởng Công ty đã tích cực tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho SXKD, góp phần thực hiện tốt các tiêu chuẩn GMP, GDP, GSP, GLP, tăng cường thu hút công nhân, hướng dẫn nghiệp vụ cho kế toán chính các Chi nhánh thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về công tác kế toán - Thuế kê và quản lý tài chính của doanh nghiệp Công ty.

4. Ông Trần Văn Cảnh - Ủy viên HĐQT - Giám đốc sản xuất và Bà Nguyễn Thị Phương Hoa - Ủy viên HĐQT Trưởng phòng Kinh doanh điều hành phát huy tốt trình độ, năng lực của mình làm tốt nhiệm vụ Ủy viên HĐQT, tham mưu cho HĐQT, Ban giám đốc Công ty theo chức năng, nhiệm vụ của phòng, thực hiện có hiệu quả các công việc của Tổng Giám đốc Công ty.

Trong năm qua tất cả các cuộc họp của HĐQT đều được ghi chép vào sổ thành Nghị quyết và các thành viên Hội đồng quản trị thông qua. Theo thống kê 1 năm qua có hơn 20 cuộc họp bàn về những vấn đề ghi chép trên. Tuy nhiên có những cố gắng song HĐQT vẫn còn tồn tại, đó là:

Các cuộc họp HĐQT phải được thông báo trước 07 ngày, nhưng thực tế chỉ là 2-3 ngày hoặc thậm chí do cấp thi cấp vì điều kiện điều hành hoặc xử lý những phát sinh.



Tóm lược: Có thể khẳng định rằng: HĐQT Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển và Đầu tư là một tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ, đã hoàn thành đúng theo đúng quy định Công ty, thường xuyên bám sát tình hình thực tế, tình hình thị trường của doanh nghiệp để đưa ra các chỉ đạo, kiến nghị, kế hoạch, k.p.th. cho hoạt động SXKD của Công ty, kiểm tra và bố trí nhân lực phù hợp với hoạt động SXKD của các đơn vị chi nhánh, giá trị CP tại thời điểm 31/12/2015 là 30.261 /1CP. HĐQT thường xuyên ôn tập các thành viên thực hiện đúng chức trách được giao, hoàn thành tốt các nhiệm vụ của mình, của Công ty ngày càng phát triển và phát triển vững chắc.



QUY ĐỊNH CÔNG TY

- ❖ Hội đồng quản trị
- ❖ Ban Kiểm soát
- ❖ Thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát



H I NG QU N TR

Thành viên và c c u c a H i ng qu n tr

TT	H tên	Ch c v	S l ng c ph n n m gi	T l n m gi
1	Tr n V n Huy n	Ch t ch H QT – Giám c	1.387.587	46,25 %
2	Tr n Th Oanh	Phó ch t ch H QT – K toán tr ng	60.000	2,00 %
3	Nguy n V n V	y viên H QT – Phó giám c	80.729	2,70 %
4	Bùi Quang H ng	y viên H QT	58.950	1,97 %
5	Nguy n Th Ph ng Hoa	y viên H QT	53.471	1,78 %
6	Tr n c H nh	y viên H QT	15.000	0.5%

Ho t ng c a H i ng qu n tr

H i ng qu n tr là c quan lãnh o ã ra chi n l c và k ho ch phát tri n c a Công ty, ra các m c tiêu trong ho t ng SXKD, luôn tuân th theo úng pháp lu t (Lu t Doanh nghi p), i u l ho t ng Công ty c ph n. Trong n m qua t t c các cu c h p c a H QT u c ghi chép vào s thành Ngh quy t và c các thành viên H i ng nh t trí thông qua. Theo th ng kê 1 n m qua có 10 cu c h p bàn. Tuy ã có nhi u c g ng song H QT v n còn t n t i, ó là: Các cu c h p H QT ph i c thông báo tr c 07 ngày, nh ng th c t ch là 2-3 ngày ho c t xu t do c p thi t c a vi c i u hành ho c x lý nh ng phát sinh.



Các cuộc họp, nghị quyết và chỉ thị quan trọng

Trong năm 2015 Hội đồng Quản trị đã thực hiện các cuộc họp và các văn bản sau:

- Hàng quý bàn các biện pháp thực hiện NQ Hội đồng thành viên về chỉ tiêu kế hoạch SXKD, phân bổ hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu đó.

- Thành nhận thực hiện án phân chia lợi nhuận, trích lập hàng năm trình Hội đồng duy trì.

- Bàn bạc thành nhận tiến trình hoàn thiện, thẩm định lại nhà máy sản xuất đạt tiêu chuẩn GMP-WHO cho 3 dây chuyền thuốc nhũ tương, tiêm, thuốc viên và dây chuyền thuốc nang mềm, Sản xuất các gói y học nhận "Thực hành tốt dược phẩm" (GSP) cho hệ thống kho khu vực 71 liên biên Phố và thành lập nhà thuốc bán lẻ thuốc chuyên nghiệp.

- Thẩm định lại tiêu chuẩn thực hành tốt phân phối thuốc GPP cho các quầy thuốc của chi nhánh Hội u thuốc.

- Thành nhận thực hiện thực trạng quản lý nhân sự các ngày Lễ, Tết, tiến hành ca cho CBCNV theo quy chế hoạt động SXKD của Công ty.

- Lập Hồ sơ và bổ sung mã ngành nghề kinh doanh và xin cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kinh doanh của Chi nhánh Công ty - Hội u thuốc, các điểm kinh doanh của Công ty và các Hội u thuốc thẩm định tiêu chuẩn Quy trình tốt GPP.

- Kiểm tra toàn bộ máy móc nhân sự trực tiếp thuốc, chuyên công tác, bố trí cán bộ nhân sự khâu trợ giúp hoạt động SXKD có hiệu quả.

- Chọn vị trí triển khai đầu tư xây dựng PX ông đức thực hiện trình của Ban Y tế đạt tiêu chuẩn GMP, (đạt kiểm tra hoàn thành vào quý 4/2015) kinh doanh phân phối tiêu chuẩn GDP, GPP, thực hiện vị trí số nhân sự và huấn luyện quy trình thao tác chuẩn (SOP) GMP, GDP và GPP cho CBCNV.

Thù lao của Hội đồng Quản trị và BKS

(theo thông qua tại Hội đồng Quản trị hàng năm)

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị: Hồ sơ 1
- Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị: Hồ sơ 0,7
- Thành viên Hội đồng Quản trị : Hồ sơ 0,5
- Trưởng ban kiểm soát: Hồ sơ 0,5
- Thành viên Ban kiểm soát: Hồ sơ 0,3



- Mục lục - Công BQ thực hiện tổng năm * Hồ sơ



BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và chức vụ của Ban kiểm soát

TT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	V. Phú Nhuận	Trưởng ban chấp hành chung	28,884	0,97 %
2	Nguyễn Thị Hằng	Ủy viên theo dõi, kiểm soát khách hàng thu c	37.495	1,25 %
3	V. Thị Hoa	Ủy viên theo dõi, kiểm soát khách hàng SXCN	5.308	0,18 %

Họ t... vụ của Ban kiểm soát

Trong năm 2014 Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ theo Điều lệ của Công ty quy định, đã thực hiện kiểm tra, giám sát việc chấp hành Điều lệ, kiểm tra các hoạt động tài chính kế toán của các đơn vị SXKD, gồm các Khách hàng thu c, khách hàng SXCN, Chi nhánh Công ty tại Hà Nội, (các đơn vị trực thuộc Công ty được kiểm tra giám sát theo quy định hoạt động của Ban kiểm soát). Trong các đợt kiểm tra, BKS đã góp ý và chấn chỉnh những thiếu sót trong việc quản lý, ghi chép, hạch toán đơn vị SXKD, xử lý việc HQT hàng giờ quy tắc thi việc khách hàng thu c, Chi nhánh Công ty tại TP Hà Nội.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý KIẾN CỦA KẾ TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần dịch vụ kế toán Hài Phòng tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan về nội dung và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KẾ TOÁN BDO



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGUYÊN NHẬN	100		139,755,211,628	171,321,750,966
I. Tiền và các khoản thanh toán	110	V.1	10,730,545,071	24,765,860,108
1. Tiền	111		10,730,545,071	14,765,860,108
2. Các khoản thanh toán	112		-	10,000,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		57,869,137,989	63,753,668,058
1. Đầu tư ngắn hạn	123	V.2	57,869,137,989	63,753,668,058
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34,359,502,452	53,334,760,577
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.1	30,734,029,659	49,379,367,691
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.10.2	150,000,000	646,500,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	3,563,958,246	3,308,892,886
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(88,485,452)	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	35,104,165,492	28,521,842,981
1. Hàng tồn kho	141		35,104,165,492	28,521,842,981
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,691,860,624	945,619,243
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7.1	70,105,790	227,593,182
2. Thu GTGT chờ khấu trừ	152		1,615,743,069	718,026,061
3. Thu và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11.2	6,011,765	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		40,759,025,955	27,632,775,358
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2,556,147	2,556,147
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3.2	2,556,147	2,556,147
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
II. Tài sản cố định	220		13,033,460,674	13,586,511,603
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	13,033,460,674	13,586,511,603
- Nguyên giá	222		52,938,714,079	50,507,399,115



- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(39,905,253,405)	(36,920,887,512)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	-
- Nguyên giá	228		54,600,000	54,600,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(54,600,000)	(54,600,000)
III. B t n g s n u t	230		-	-
IV. Tài s n d d a n g d à i h n	240		-	-
V. u t t à i c h í n h d à i h n	250		27,600,000,000	13,600,000,000
1. u t v à o c ô n g t y c o n	251		-	-
2. D ò n g u t t à i c h í n h d à i h n (*)	254		-	-
3. u t n m g i n n g à y á o h n	255	V.2	27,600,000,000	13,600,000,000
VI. Tài s n d à i h n k h á c	260		123,009,134	443,707,608
1. Chi phí tr tr c dài h n	261	V.7.2	123,009,134	443,707,608
2. Tài s n d à i h n k h á c	268		-	-
T N G C N G T À I S N	270		180,514,237,583	198,954,526,324

B NG CÂN K TOÁN

T i ngày 31 tháng 12 n m 2015

(T i p theo)

n v tính: VND

NGU N V N	MÃ S	THUY T MINH	31/12/2015	01/01/2015
A. N P H I T R	300		83,730,687,908	108,171,425,382
I. N g n h n	310		76,671,892,938	99,453,327,452
1. Ph i tr n g i bán n g n h n	311	V.10.1	55,796,081,842	80,525,629,833
2. Ng i mua tr ti n tr c n g n h n	312		47,499	158,536,384
3. Thu v à c á c k h o n p h i n p N h à n c	313	V.11.1	2,587,496,896	4,192,060,651
4. Ph i tr n g i lao n g	314		2,961,606,772	3,401,407,371
5. Chi phí ph i tr n g n h n	315	V.12	2,930,958,071	142,258,954
6. Ph i tr n i b n g n h n	316			



7. Ph i tr ng nh n khác	319	V.13.1	-	-
8. Vay và n thuê tài chính ng nh n	320	V.14	4,958,558,573	1,915,583,612
9. Qu khen th ng, phúc l i	322		4,280,658,175	5,663,422,325
			3,156,485,109	3,454,428,322
II. N dài h n	330		7,058,794,970	8,718,097,930
1. Ph i tr ng i bán dài h n	331		-	-
2. Ng i mua tr ti n tr c dài h n	332		-	-
3. Ph i tr n i b dài h n	335		4,283,576,970	4,571,576,970
4. Ph i tr dài h n khác	337	V.13.2	2,775,218,000	2,886,520,960
5. Vay và n thuê tài chính dài h n	338	V.14	-	1,260,000,000
B. NGU NV NCH S H U	400		96,783,549,674	90,783,100,942
I. V n ch s h u	410	V.15	96,783,549,674	90,783,100,942
1. V n góp c a ch s h u	411		30,000,000,000	30,000,000,000
- C phi u ph thông có quy n bi u quy t	411a		30,000,000,000	30,000,000,000
- C phi u u ãi	411b		-	-
2. Th ng d v n c ph n	412		4,655,903,683	4,655,903,683
4. V n khác c a ch s h u	414		3,000,000,000	3,000,000,000
5. C phi u qu (*)	415		-	-
8. Qu u t phát tri n	418		33,412,259,365	33,412,259,366
9. Qu h tr s p x p doanh nghi p	419		-	-
10. Qu khác thu c v n ch s h u	420		-	-
11. L i nhu n sau thu ch a phân ph i	421		25,715,386,626	19,714,937,893
- LNST ch a phân ph i l y k n cu i k tr c	421a		19,714,937,893	7,066,619,226
- LNST ch a phân ph i k này	421b		6,000,448,734	12,648,318,667
II. Ngu n kinh phí và qu khác	430		-	-
T NG C NG NGU NV N	440		180,514,237,583	198,954,526,324

H i Phòng, ngày 27 tháng 03 n m 2016



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM 2015	NĂM 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.16	267,645,442,916	288,002,931,574
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.16	13,576,598,132	16,229,102,463
3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.16	254,068,844,784	271,773,829,111
4. Giá trị hàng bán	11	VI.17	220,451,152,203	231,244,016,954
5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		33,617,692,581	40,529,812,157
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.18	6,298,910,291	6,538,398,454
7. Chi phí tài chính	22	VI.19	451,369,554	750,237,927
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		113,950,000	160,567,000
8. Chi phí bán hàng	25	VI.20	6,703,029,053	6,548,013,634
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.20	20,710,444,597	19,912,755,161
10. Lợi nhuận trước thuế kinh doanh	30		12,051,759,668	19,857,203,889
11. Thu nhập khác	31	VI.22	339,715,437	487,273,353
12. Chi phí khác	32	VI.22	278,505,278	14,303,725
13. Lợi nhuận khác	40		61,210,159	472,969,628
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12,112,969,827	20,330,173,517
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.21	2,726,124,523	4,472,638,174
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9,386,845,304	15,857,535,344
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.24	3,129	5,286
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2016



BÁO CÁO L U CHUY N TI N T 2015

(Theo ph ng pháp tr c ti p)

CH TIÊU	MÃ S	N M 2015	N M 2014
I. L U CHUY N TI N T HO T NG KINH DOANH			
1. T i n thu t bán hàng, cung c p d ch v và doanh thu khác	01	315,838,676,661	312,583,257,550
2. T i n chi tr cho ng i cung c p hàng hoá và d ch v	02	(292,234,905,400)	(276,114,715,566)
3. T i n chi tr cho ng i lao ng	03	(17,807,557,627)	(17,697,705,100)
4. T i n lãi vay ã tr	04	(113,950,000)	(160,567,000)
5. Thu thu nh p doanh nghi p ã n p	05	(4,243,256,928)	(5,277,999,106)
6. T i n thu khác t ho t ng kinh doanh	06	111,828,093,911	345,197,040
7. T i n chi khác cho ho t ng kinh doanh	07	(135,167,915,314)	(622,505,259)
L u chuy n tí n thu n t ho t ng kinh doanh	20	(21,900,814,697)	13,054,962,559
II. L U CHUY N TI N T HO T NG UT			
1. T i n chi mua s m, xây d ng TSC và các tài s n dài h n khác	21	(3,291,359,964)	(3,344,690,971)
2. T i n thu t thanh lý, nh ng bán TSC và các tài s n dài h n khác	22	-	380,000,000
3. T i n chi cho vay, mua các công c n c a các n v khác	23	(8,115,469,931)	(12,053,921,559)
4. T i n thu h i cho vay, bán l i các công c n c a n v khác	24	10,000,000,000	15,000,000,000
5. T i n chi ut góp v n vào n v khác	25	-	-
6. T i n thu h i ut góp v n vào n v khác	26	-	-
7. T i n thu lãi cho vay, c t c và l i nhu n c chia	27	3,277,565,405	4,236,672,135
L u chuy n tí n thu n t ho t ng ut	30	1,870,735,510	4,218,059,605
III. L U CHUY N TI N T HO T NG TÀI CHÍNH			
1. T i n thu t phát hành c phi u, nh n v n góp c a ch s h u	31	-	-
2. T i n tr l i v n góp cho các ch s h u, mua l i c phi u c a doanh nghi p ã phát hành	32	-	-
3. T i n thu t i vay	33	1,840,000,000	700,000,000
4. T i n tr n g c vay	34	4,489,764,150	(7,711,777,675)
5. T i n tr n g c thuê tài chính	35	-	-
	36		



		(335,000,000)	(3,012,297,505)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	5,994,764,150	(10,024,075,180)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(14,035,315,037)	7,248,946,984
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	24,765,860,108	17,516,913,124
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	10,730,545,071	24,765,860,108



TRẦN ANH TUẤN
Người lập



TRẦN ANH TUẤN
Kế toán trưởng



Hải Phòng, ngày 30 tháng 04 năm 2016

TRẦN VĂN HUYỀN
Tổng giám đốc